

Bản án số: 622/2018/HS-PT  
Ngày 12 -11 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Công Mười

***Các Thẩm phán:*** Ông Huỳnh Công Lý

Ông Nguyễn Văn Hùòng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 517/2017/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 302/2017/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Các bị cáo:**

1. **Lại Văn H:** Giới tính: nam; Sinh ngày: 15/7/1983; Tại Vĩnh L1; Nơi cư trú: ấp T, xã T1, B, Vĩnh L1; Chỗ ở: không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 2/12; Cha: Lại P Đ, sinh năm 1948; Mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1950; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 04/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tạm giam: 01/7/2012 (có mặt).

2. **Lâm Hoàng T:** Giới tính: nam; Sinh năm: 1976; Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp x, V, B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Lâm Thanh B1 (đã mất); Mẹ: Trương Hoàng E, sinh năm 1947; Vợ: Nguyễn Thanh T1 (sinh năm 1981, có 01 con sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/6/2013 bị

Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm tù giam về tội: “ Cố ý gây thương tích”; tạm giam: 11/12/2012 (có mặt).

3. **Nguyễn Văn H4**; Giới tính: nam; Sinh ngày: 09/8/1994; Tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp X1, T, B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1970; Mẹ: Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 27/3/2013, bị TAND huyện B xử phạt 03 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tạm giam: 25/10/2012 (có mặt).

4. **Phạm Nguyễn Xuân M**; Giới tính: nam ; Sinh ngày: 31/8/1990; Tại Nam Định; Nơi cư trú: ấp x2, xã P, B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Phạm Văn K (đã mất); Mẹ: Nguyễn Thị Kim M1, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: không; ngày 26/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tạm giam: 11/10/2012 (có mặt).

5. **Trần Viết L**: Giới tính: nam; Sinh ngày: 10/10/1984; Tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn x3, xã D, D, Quảng Nam; Chỗ ở: N, P. T, Q. T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Trần Viết T2, sinh năm 1960; Mẹ: Văn Thị M2, sinh năm 1963; Vợ: Nguyễn Thị Xuân H1 sinh năm 1985; Tiền án tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Ngày 20/7/2012, bị TAND quận Y xử phạt 01 năm tù treo về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 06/5/2013, bị TAND huyện B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với bản án của TAND quận Y là 02 năm 06 tháng tù giam.

Tạm giam: 19/10/2012 (có mặt).

6. **Trần Hoàng V**; Giới tính: nam; Sinh ngày: 08/4/1993; Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp x2, xã Đ, B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: công nhân xây dựng; Trình độ học vấn: 8/12; Cha: Trần Văn L (đã mất); Mẹ: Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1957; Có 02 anh, chị, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1987; Vợ: Dư Thị Thúy H2 (sinh năm 1993) có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân:

+ Ngày 11/4/2013, bị TAND huyện B xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích.

Tạm giam: 17/10/2012 (có mặt).

7. **Nguyễn Hoàng M3**; Giới tính: nam; Sinh năm: 1981; Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp x2, xã V, B, TPHCM; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Nguyễn Văn H43 (đã mất); Mẹ: Trịnh Thị B1, sinh năm 1956; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Ngày 30/8/1999, bị Công an huyện B bắt giữ và bị TAND huyện B xử phạt 04 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 16/01/2013, bị TAND huyện B xử phạt 03 năm giam về tội Giao cấu với trẻ em.

Tạm giam: 17/8/2012.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án sơ thẩm, đang được tại ngoại (có mặt).

8. **Trần Văn T4**; Giới tính: nam; Sinh ngày: 24/7/1975; Tại Thái Bình; Nơi cư trú: Xóm X8, xã N, huyện T, Thái Bình; Chỗ ở: ấp x2, V, B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: làm bảng quảng cáo; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Trần Văn U, sinh năm 1948; Mẹ: Ngô Thị T5 sinh năm 1954; Vợ: Trần Thị M4 (sinh năm 1979), có 05 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 30/7/2013, bị TAND huyện B xử phạt 03 năm tù giam về tội Cướp tài sản.

Tạm giam: 27/11/2012 (có mặt).

9. **Mai Nhật T6** (tên gọi khác: T6); Giới tính: nam; Sinh ngày: 03/11/1989; Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: P, phường X5, quận Y8, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Mai Hữu N, sinh năm 1961; Mẹ: Tạ Thị Ánh T7, sinh năm 1967; Tiền án, tiền sự: không

- Nhân thân: Ngày 23/7/2013, bị TAND huyện B xử phạt 09 năm 06 tháng tù giam về tội Cướp tài sản.

Tạm giam: 14/01/2013 (có mặt).

10. **Nguyễn Hoàng M3**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: M5 (hay M5); Sinh ngày: 26/4/1986; Tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: T, P.P, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số, ấp X3, xã P, N, TPHCM; Nghề nghiệp: sửa xe; Trình độ học vấn: 11/12; Cha: Nguyễn Văn B3, sinh năm

1957; Mẹ: Bùi Thị Tố N1, sinh năm 1968; Vợ Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Ngày 25/6/2013 bị TAND huyện B xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 04/9/2015 bị Tòa án nhân dân Quận Y1 xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Ngày 25/11/2015 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm xử phạt 2 năm tù – Tại bản án số 726/2015/HSPT).

Tạm giam: 13/01/2013 (có mặt).

**11. Trang Hoàng T8;** Giới tính: nam; Sinh ngày: 13/9/1993; Tại L1 An; Nơi cư trú: ấp L, xã M, C, L1 An; Chỗ ở: như trên; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Trang Văn T9, sinh năm 1969; Mẹ: Lại Thị T10, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 11/6/2013 bị TAND huyện B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Ngày 11/2/2015 bị cáo Trang Hoàng T8 đã chấp hành xong án phạt tù của Bản án số 172/HSST ngày 11/6/2013).

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Người bị hại:* Anh **Trần Văn H5** (chết).

**Người bào chữa cho các bị cáo:**

1/ *Người bào chữa cho bị cáo Lại Văn H:* Luật sư Thái Văn Q- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H4:* Luật sư Đặng Đình T11- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng M3 (M5):* Luật sư Lê Văn Đ1 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4/ *Người bào chữa cho bị cáo Trang Hoàng T8:* Luật sư Đỗ Hải B4- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

5/ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng M3, sinh năm 1981:* Luật sư Nguyễn Thị Lan C1- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6/ *Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng V:* Luật sư Nguyễn Trung C2 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

7/ *Người bào chữa cho bị cáo Mai Nhật T6:* Luật sư Lê Minh T12- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

8/ *Người bào chữa cho bị cáo Trần Viết L:* Luật sư Nguyễn Thanh T13 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

9/ *Người bào chữa cho bị cáo Lâm Hoàng T:* Luật sư Tô Bá T14 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

10/ *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nguyễn Xuân M:* Luật sư Nguyễn Hải N2- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

11/ *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T4:* Luật sư Mai Ngọc Thiện M6 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Các bị cáo Lại Văn H, Lâm Hoàng T, Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4, Mai Nhật T6, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986), Trang Hoàng T8 bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh truy tố, xét xử sơ thẩm về hành vi phạm tội như sau:

Trần Văn H5(SN 1982, ngụ: ấp X1, xã H, huyện Đ, tỉnh L1 An) bị Công an huyện B bắt ngày 15/01/2013 về hành vi “Trộm cắp tài sản” và tạm giữ tại buồng giam A4 thuộc Nhà tạm giữ của Công an huyện B. Buồng giam A4 gồm có 16 bị can do bị can Lại Văn H làm đại diện buồng (trưởng buồng giam).

Trong sinh hoạt hàng ngày, H phân chia các bị can trong buồng giam thành 03 mâm như sau:

- Mâm thứ nhất (còn gọi là mâm trên) gồm có các bị can: Lại Văn H, Lâm Hoàng T, Võ Ngọc T15, Huỳnh Văn T16 và Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981). H giao cho Lâm Hoàng T được quản lý trật tự trong buồng giam.

- Mâm thứ hai (còn gọi là mâm giữa) gồm có các bị can: Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V và Huỳnh Tấn D. H giao cho Nguyễn Văn H4 trực tiếp quản lý, trông coi các bị can ở mâm 3.

- Mâm thứ ba (còn gọi là mâm cuối) gồm có các bị can: Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986), Mai Nhật T6, Nguyễn Ngọc P, Trang Hoàng T8, Trần Văn T4 và Trần Văn H5. H giao nhiệm vụ cho Nguyễn Văn H4 được quyền yêu cầu các bị can này thực hiện các công việc: Rửa chén, giặt đồ, lau chùi buồng giam, chùi toilet... Riêng H5 bị nhiễm HIV nên H không cho H5 làm công việc gì.

H tự đặt ra nội quy trong buồng giam, quy định mọi hoạt động bình thường đều phải xin phép H mới được làm; H không cho phép thì không được làm nếu tự ý làm thì sẽ bị “sinh hoạt” (tức là bị đánh). Diễn hình như các bị can

vi phạm nội quy trong buồng giam đã bị H nhận đầu vào bồn nước (bị can V, T4) hoặc cho ăn phân (bị can P, T4). Ngoài ra, đối với các bị can mới nhập buồng giam cũng bị “sinh hoạt” tức là bị đánh, như sau: H kêu T hoặc H4 T báo nội quy buồng giam, sau đó hỏi bị can mới vào: “Ba, sáu, chín chọn số nào?”. Tùy theo bị can đó chọn số thì sẽ bị đá vào ngực 3, 6 hoặc 9 cái; nếu chống cự thì sẽ bị đánh nhiều hơn. Do H5 bị nhiễm HIV nên lúc mới vào buồng giam H5 không bị đánh; H5 chọn bị đánh 03 cái nhưng H cho T4 nhưng nói nếu H5 có vi phạm gì thì sẽ đánh gấp đôi.

Khoảng 16 giờ 30 ngày 19/01/2013 là thời gian các bị can trong buồng giam A4 đi tắm, do H5 bị nhiễm HIV nên được H cho tắm sau cùng. Trong lúc tắm, tay H5 còn dính xà bông mà H5 đưa tay vào bồn mức nước. H nhìn thấy nên ra dẫu và nói nhỏ với T đánh H5. H đưa lên 06 ngón tay tức là kêu T đá vào ngực H5 06 cái. H tiếp tục đưa lên 02 ngón tay tức là kêu T đá vào đầu H5 02 cái nhưng lúc này H5 đang tắm nên T chưa đánh. Sau khi cán bộ quản giáo điểm danh buồng giam xong, H tiếp tục kêu T xuống đánh H5 và H4 đi theo sau T. T kêu các can phạm ở mâm 3 xếp hàng, ngồi “chấp hành” (tư thế ngồi xếp bằng, hai tay để sau lưng, dựa lưng vào tường). T đi đến chỗ H5 ngồi, hỏi H5 biết tội gì không. T nói lỗi cho H5 nghe rồi đưa chân đá vào ngực H5 nhưng H5 đứng dậy xô T ra và bỏ chạy về hướng cửa buồng giam. Thấy H đang đứng ở cửa buồng giam nên H5 sợ và chạy vào góc buồng giam rồi bị té ngã.

Do H5 phản ứng lại việc “sinh hoạt”, các bị can khác trong buồng giam đuổi theo và dồn H5 vào góc buồng giam để đánh. Kết quả điều tra xác định được các bị can T, M3 (sinh năm 1981), Xuân M, H4, L1, V có xông vào đám, đá vào người H5; mỗi người đánh H5 khoảng 02 – 03 cái.

Sau đó, H nhìn thấy H5 bị chảy máu ở mí mắt dính vào mền, gối đang để ở góc buồng giam nên H ra lệnh: “Lôi nó ra ngoài trời lại đánh nó cho tao, có gì trong ngoài tao lo hết”. Theo lệnh của H, các bị can H4, L1, V, Xuân M kéo H5 ra giữa buồng giam. H kêu các bị can Xuân M, L1, V, T8, T6, M5 (sinh năm 1986), T4 giữ tay chân H5 để cho H5 nằm ngửa, Xuân M dùng nùi giẻ cột và giữ miệng H5 lại không cho H5 kêu la. T và H4 thay phiên dùng chân đạp vào vùng ngực, bụng của H5; mỗi người đạp khoảng 05 – 06 cái. T lấy chai Sting có chứa nước đánh vào đầu H5 01 cái làm nắp chai văng ra ngoài. H kêu T lấy cục nước đá được quăn trong cái khăn để đánh H5. T dùng cục nước đá được quăn trong cái khăn đánh vào vùng ngực, bụng của H5 khoảng 05 – 06 cái. Lúc này, H5 có xin H đừng đánh H5 nữa, nhưng H không đồng ý và nói: “Tao đối xử tốt

với mày, sao mày dám chống lại tao”, rồi kêu Xuân M tiếp tục đánh H5. Xuân M lấy dép đánh vào cổ của H5 khoảng 03 – 04 cái. Sau đó, H kêu H4 tiếp tục đánh H5. H4 dùng cục nước đá được quăng trong cái khăn đánh vào vùng ngực, bụng của H5 khoảng 05 – 06 cái. H kêu các bị can khác đỡ H5 ngồi dậy rồi chỉ H4 đánh vào hình xăm con đại bàng trên lưng của H5. Vừa đánh, H4 vừa nói: “Đánh cho con đại bàng của mày gãy cánh luôn” và đánh được khoảng 05 – 06 cái thì bẻ cục nước đá. Thấy H4 mệt, H kêu L1 và Xuân M lấy cục nước đá được quăng trong cái khăn tiếp tục thay phiên đánh H5 mỗi người đánh khoảng 03 – 04 cái nữa.

Đến giờ ăn cơm nên H kêu M3 (sinh năm 1981) và T trói tay chân H5 lại, lôi H5 bỏ xuống sàn nước để các bị can khác dọn dẹp buồng giam dọn cơm ra ăn, không cho H5 ăn cơm. Khi ăn cơm xong, H kêu một số bị can lôi H5 lên trên buồng giam, ngồi dựa lưng vào tường để lấy chỗ rửa chén.

Lúc này, H thấy H5 mệt, tưởng rằng H5 giả vờ nên H ra lệnh cho các can phạm ở mâm 3 tiếp tục đánh H5 nhưng không ai đánh. Thấy vậy, H ra lệnh cho T8 đánh H5. T8 đi lại đá nhẹ vào người H5 02 cái. Thấy H5 tiếp tục mệt, thờ yếu, H kêu các bị phạm khác thay đồ và thoa dầu cho H5. Thấy H5 vẫn không có biểu hiện khỏe lên, H kêu H4 báo cho cán bộ quản giáo đưa H5 đi cấp cứu, đến khoảng 20h30 cùng ngày thì H5 chết.

Đến ngày 10/6/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP. Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án và bị can đối với các can phạm tham gia đánh H5 để xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Lâm Hoàng T, Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V, Mai Nhật T6, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986), Trang Hoàng T8 đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Còn Lại Văn H, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4 không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, qua chứng cứ, tài liệu, lời khai của các can phạm khác đã đủ cơ sở xác định Lại Văn H là người ra lệnh cho những bị can T, H4, Xuân M, L1, T8 đánh H5 (BL: 113; 270; 424; 586; 634); Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981) là người tham gia đánh H5 và Trần Văn T4 là người giữ tay chân H5 cho những người khác đánh H5.

Ngày 18/02/2013, Trung tâm Pháp y TP. Hồ Chí Minh có kết luận giám định pháp y tử thi số 51/GPTT.13 kết luận nguyên nhân chết của Trần Văn H5 là do “Đa chấn thương”.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) vỏ chai nhựa màu trắng, nút màu đỏ, giữa thân chai có một lỗ thủng tròn đường kính 0,5cm (loại chai đựng nước Sting).

- 01 (một) chiếc khăn vải sọc trắng đỏ dài khoảng 144cm, ngang khoảng 108cm.

- Về dân sự: tại cơ quan điều tra ông Trần Văn T (người đại diện hợp pháp của người bị hại) yêu cầu bồi thường 120 triệu đồng, gia đình bị cáo Lâm Hoàng T đã bồi thường 10 triệu đồng, các bị cáo khác chưa bồi thường.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 302/2017/HSST ngày 23/8/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo **Lại Văn H, Lâm Hoàng T, Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4, Mai Nhật T6, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986), Trang Hoàng T8** đã phạm vào tội “**Cố ý gây thương tích**”.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, Điều 51 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Lại Văn H 15 (Mười lăm) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù đối với bản án số 83/2013/HSST ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **22 (Hai Mươi hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, các điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Lâm Hoàng T 14 (Mười bốn) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với bản án số 601/2013/HSPT ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **15 (Mười lăm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H4 13 (Mười ba) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 73/2013/HSST ngày 27/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **16 (Mười sáu) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Phạm Nguyễn Xuân M 10 (Mười) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bản án số 72/2013/HSST ngày 26/3/2013

của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **11 (Mười một) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Trần Viết L 10 (Mười) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bản án số 121/2013/HSST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng V 10 (Mười) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bản án số 92/2013/HSST ngày 11/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù** Thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm: 1981): 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 16/2013/HSST ngày 16/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/08/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T4 05 (Năm) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 213/2013/HSST ngày 30/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **08 (Tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2012.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Mai Nhật T6 10 (Mười) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 09 năm 06 tháng tù đối với bản án số 789/2013/HSPT ngày 10/2/2013 của Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **19 (Mười chín) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2013.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986): 10 (Mười) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với bản án số 186/2013/HSST ngày 25/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và 02 năm tù tại bản án số 726/2015/HSPT ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản là: **13 (Mười ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2013.

*Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự:*

Xử phạt bị cáo **Trang Hoàng T8 05 (Năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 31/8/2017, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bản án hình sự sơ thẩm số 302/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử các bị cáo phạm tội “Giết người”.

Đến ngày 19/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản rút kháng nghị (Quyết định rút kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P2), cho rằng việc kháng nghị phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là không đúng.

- Ngày 29/8/2017, bị cáo Trang Hoàng T8 kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 29/8/2017, bị cáo Trần Hoàng V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 29/8/2017, bị cáo Lại Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đến ngày 18/9/2017 bị cáo Lại Văn H đã làm đơn rút lại toàn bộ kháng cáo.

- Ngày 07/9/2017, bị cáo Nguyễn Hoàng M3, sinh năm 1981 kháng cáo kêu oan.

- Ngày 06/9/2017, bị cáo Mai Nhật T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 06/9/2017, bị cáo Trần Văn T4 kháng cáo kêu oan.

- Ngày 21/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo Lại Văn H, Lâm Hoàng T, Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4, Mai Nhật T6, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986) và Trang Hoàng T8 phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo. Cụ thể đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với từng bị cáo như sau:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lại Văn H** tù **Chung thân**. Tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù đối với bản án số 83/2013/HSST ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **Chung thân**. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/7/2012.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lâm Hoàng T** **20 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với bản án số 601/2013/HSPT ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H4** **20 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 73/2013/HSST ngày 27/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Phạm Nguyễn Xuân M** **16 đến 18 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bản án số 72/2013/HSST ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trần Viết L 14 đến 16 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bản án số 121/2013/HSST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng V 14 đến 16 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bản án số 92/2013/HSST ngày 11/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981) 08 đến 10 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 16/2013/HSST ngày 16/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T4 08 đến 10 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 213/2013/HSST ngày 30/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Mai Nhật T6 14 đến 16 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 09 năm 06 tháng tù đối với bản án số 789/2013/HSPT ngày 10/02/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986) 14 đến 16 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với bản án số 186/2013/HSST ngày 25/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và 02 năm tù tại bản án số 726/2015/HSPT ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho ba bản án.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trang Hoàng T8 08 đến 10 năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 213/2013/HSST ngày 30/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Tại phần tranh luận, quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo H4 cho rằng: hoàn toàn đồng tình với nội dung kháng nghị về tội danh, nhưng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do bị cưỡng bức. Các Luật sư còn lại đều cho rằng kháng nghị là không có cơ sở, các bị cáo không có động cơ giết người, đề nghị bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Riêng hai Luật sư bảo vệ cho bị cáo M3 (sinh năm 1981) và bị cáo T4 thì cho rằng các bị cáo này không tham gia việc đánh bị hại. Đề nghị tuyên hai bị cáo này không phạm tội.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1] Về tố tụng:** Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lại Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, sau đó ngày 18/9/2017 bị cáo đã có đơn rút lại yêu cầu kháng cáo, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét kháng cáo đối với bị cáo H theo luật định.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Trong vụ án này, hậu quả xảy ra là cái chết đối với người bị hại Trần Văn H5 tại buồng giam A4, thuộc nhà tạm giữ của Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên nhân tử vong theo Kết luận giám định pháp y tử thi số 51/GĐTT.13 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là do “Đa chấn thương”; não sung huyết; gãy nhiều xương sườn; hai phổi dập rải rác; vỡ tĩnh mạch chủ dưới; dập gan và cơ hoành trái.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã có đủ cơ sở xác định việc người bị hại bị tử vong là do hành vi của các bị cáo Lại Văn H, Lâm Hoàng T, Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4, Mai Nhật T6, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986) và Trang Hoàng T8 đã gây ra. Theo đó, các chứng cứ và tài liệu

đã thu thập thể hiện: Các bị cáo và người bị hại đều là phạm nhân tạm giam chung tại buồng giam số A4, Công an huyện B, bị cáo Lại Văn H là Trưởng buồng giam. Trong quá trình sinh hoạt tại buồng giam, vào lúc 16 giờ ngày 19/01/2013, do nhìn thấy người bị hại Trần Văn H5 (là người bị nhiễm HIV) trong lúc tắm, tay có dính xà phòng nhúng vào bồn nước, bị cáo Lại Văn H - với tư cách là trưởng buồng giam đã ra lệnh cho bị cáo T đánh can phạm H5. Thực hiện sự ra lệnh này của bị cáo H, bị cáo T đã dùng chân đá bị hại, nhưng bị hại H5 đã chống đỡ và bỏ chạy về hướng cửa buồng giam. Bị cáo H ra lệnh cho các bị cáo Xuân M, L1, V, T8, T6, M5 (sinh năm 1986) và T4 giữ tay, chân H5 để cho H5 nằm ngửa, Xuân M dùng giẻ cột và giữ miệng H5 lại không cho kêu la. Bị cáo T và bị cáo H4 thay nhau dùng chân đạp vào vùng bụng, ngực bị hại. Bị cáo T đã tiếp tục dùng vỏ chai nước ngọt hiệu Sting đánh vào vùng đầu và dùng cục đá quăng vào khăn đánh liên tiếp vào vùng đầu, ngực và bụng người bị hại. Các bị cáo khác, mỗi bị cáo tham gia đánh khoảng 3 đến 4 cái vào người bị hại. Bị hại H5 xin H dừng đánh nữa, nhưng H không đồng ý và tiếp tục ra lệnh cho Xuân M tiếp tục đánh. Bị cáo Xuân M đã dùng dép đánh liên tiếp 03- 04 cái vào vùng cổ bị hại. Vẫn chưa dừng lại ở đó, bị cáo H tiếp tục kêu H4 đánh H5, H4 dùng cục đá quăng vào khăn đánh liên tiếp vào vùng ngực và bụng người bị hại khoảng 05 – 06 cái. H kêu các bị cáo khác đỡ H5 ngồi dậy rồi chỉ vào hình xăm trên lưng bị hại, kêu H4 đánh vào hình xăm này. Bị cáo H4 tiếp tục đánh theo chỉ đạo của bị cáo H khoảng 05 – 06 cái thì cục nước đá vỡ. Khi thấy bị cáo H4 mệt, bị cáo H tiếp tục kêu các bị cáo khác là L1 và Xuân M dùng cục nước đá quăng khăn thay phiên nhau đánh H5, mỗi người khoảng 03- 04 cái.

Khi thấy bị hại H5 mệt, cho rằng H5 giả vờ, bị cáo H tiếp tục ra lệnh cho các bị cáo đánh H5 nhưng không ai đánh, bị cáo H ra lệnh cho T8 đánh H5. T8 đi lại gần dùng chân đá nhẹ vào người H5 02 cái. Thấy H5 mệt, thở yếu. H kêu các bị cáo khác thay quần áo và xoa dầu cho H5 nhưng vẫn không thấy H5 có dấu hiệu khỏe lên, H kêu H4 báo cho cán bộ quản giáo đưa H5 đi cấp cứu, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì H5 chết.

[2.2] Như vậy, mặc dù biết người bị hại Trần Văn H5 là phạm nhân bị nhiễm HIV, có sức khỏe yếu và chỉ vì một lỗi nhỏ của người bị hại trong quá trình sinh hoạt; thực hiện sự chỉ đạo của bị cáo H, các bị cáo đã thực hiện một chuỗi liên tục các hành vi dùng V lực, tấn công liên tiếp với quyết tâm cao và dã man đối với người bị hại. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn tới việc người bị hại tử vong. Việc các bị cáo T, H4, L1, Xuân M cùng với sự giúp sức của các bị

cáo khác thực hiện sự chỉ đạo của bị cáo H dùng tay, chân, chai nước và cục nước đá có quần khăn đánh liên tiếp vào các vùng trọng yếu trên cơ thể người bị hại đã thể hiện ý chí trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo này. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thể hiện tính côn đồ, hung hãn, coi thường tính mạng người khác và thực tế những hành vi đó đã tước đoạt sinh mạng của Trần Văn H5. Vì lẽ đó, việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.3] Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng: Khi thấy nạn nhân H5 mệt, khó thở tất cả các bị cáo đều dừng lại và xoa dầu, thay quần áo cho nạn nhân, đồng thời đã T báo cho cán bộ quản giáo biết để đưa nạn nhân đi cấp cứu để cho rằng về mặt chủ quan của các bị cáo đều không có ý thức tước đoạt mạng sống của nạn nhân, các bị cáo không bỏ mặc, bàng quan để mặc hậu quả nạn nhân chết xảy ra... để từ đó xử phạt các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Nhận định và đánh giá này của Tòa án cấp sơ thẩm là không phản ánh đúng các tình tiết khách quan cũng như hậu quả xảy ra trong vụ án, bởi vì hành vi khách quan của các bị cáo đã rõ, những hành vi đó đã thể hiện ý thức chủ quan của các bị cáo trong quá trình thực hiện tội phạm; hậu quả xảy ra và nguyên nhân tử vong của người bị hại đã minh chứng cho điều này. Việc nhận định cho rằng, các bị cáo không có ý thức bỏ mặc hoặc không mong muốn hậu quả chết người xảy ra... ở trường hợp này của Tòa án cấp sơ thẩm là không phản ánh được ý chí của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Bản chất của các hành vi xoa dầu cho người bị hại... là cũng chỉ để nhằm đối phó và che giấu nguyên nhân tử vong đối với người bị hại về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện trước đó, đối với cơ quan chức năng mà thôi.

[2.4] Từ những nhận định và đánh giá trên, xét thấy, đã có đủ cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự là không phù hợp và không phản ánh đúng các tình tiết khách quan của vụ án. Từ đó, phán quyết này đã ảnh hưởng đến việc xem xét một cách toàn diện và đánh giá đúng tính chất, mức độ của tội phạm mà các bị cáo trong vụ án đã thực hiện, dẫn đến mức hình phạt áp dụng chưa phù hợp và không đảm bảo tính răn đe; đồng thời nó đã có ảnh hưởng nhất định đến yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm

trong tình hình hiện nay. Chính vì vậy, việc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo về tội “Giết người”, theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, nên được chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt.

[3] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng, hành vi phạm tội của các bị cáo không phạm tội “Giết người” là không được chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tước đi quyền sống của người bị hại. Quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo H, T, H4, Xuân M, L1 và V luôn thể hiện quyết tâm phạm tội cao, cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng; cách thức thực hiện hành vi phạm tội rất côn đồ, dã man. Điều đặc biệt, khi thực hiện hành vi phạm tội, tất cả các bị cáo này đều có nhân thân xấu, phạm tội trong hoàn cảnh đang bị tạm giam với chế độ quản lý và giám sát nghiêm ngặt của Trại tạm giam. Từ đó đã chứng tỏ bản chất coi thường pháp luật của các bị cáo này, chính vì vậy việc cần xử phạt đúng tội, với mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo này là cần thiết.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó bị cáo Lại Văn H có vai trò chính và chủ yếu. Vì vậy, bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo khác. Các bị cáo T, H4, Xuân M, L1, V, T6 và Hoàng M5 (sinh năm 1986) tham gia với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo H, chính hành vi của các bị cáo này đã trực tiếp gây ra cái chết cho người bị hại, vì vậy mức hình phạt đối với các bị cáo này cần phải tương xứng với tính chất, mức độ của tội phạm và hậu quả xảy ra. Các bị cáo còn lại gồm Trần Văn T4, Trang Hoàng T8 và Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981) được xác định vai trò giúp sức, tuy nhiên tính chất, mức độ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội có phần hạn chế nên được xem xét, cân nhắc mức hình phạt phù hợp.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trang Hoàng T8, Mai Nhật T6, Trần Hoàng V và kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4 là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các bị cáo này phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lại Văn H; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trang Hoàng T8, Mai Nhật T6, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4; Chấp nhận Kháng nghị số 25/KNPT-VKS-P2 ngày 31/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm số 302/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh và mức hình phạt.

Tuyên bố:

Các bị cáo Lại Văn H, Lâm Hoàng T, Nguyễn Văn H4, Phạm Nguyễn Xuân M, Trần Viết L, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4, Mai Nhật T6, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986) và Trang Hoàng T8 phạm tội “Giết người”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lại Văn H 20 (hai mươi) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 07 năm 06 tháng tù đối với bản án số 83/2013/HSST ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **27 (hai mươi bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/7/2012.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Lâm Hoàng T 15 (mười lăm) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với bản án số 601/2013/HSPT ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **16 (mười sáu) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/12/2012.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H4 14 (mười bốn) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 73/2013/HSST ngày 27/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **17 (mười bảy) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/10/2012.

4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Phạm Nguyễn Xuân M 11 (mười một) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bản án số 72/2013/HSST ngày 26/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **12 (mười hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/10/2012.

5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trần Viết L 11 (mười một) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bản án số 121/2013/HSST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/10/2012.

6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng V 11 (mười một) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bản án số 92/2013/HSST ngày 11/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 17/10/2012.

7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Mai Nhật T6 11 (mười một) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 09 năm 06 tháng tù đối với bản án số 789/2013/HSPT ngày 10/02/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **20 (hai mươi) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/01/2013

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

8. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1986) 11 (mười một) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với bản án số 186/2013/HSST ngày 25/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và 02 năm tù tại bản án số 726/2015/HSPT ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho ba bản án là **14 (mười bốn) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/01/2013.

9. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; khoản 2 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981) 04 (bốn) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 16/2013/HSST ngày 16/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **07 (bảy) năm tù**. Nhưng được trừ đi thời gian đã chấp hành 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng, thời gian còn phải chấp hành tiếp là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn được tính từ ngày bắt chấp hành án.

10. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T4 07 (bảy) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù đối với bản án số 213/2013/HSST ngày 30/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là **10 (mười) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/11/2012.

11. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo **Trang Hoàng T8 07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt chấp hành án.

Các bị cáo Trang Hoàng T8, Mai Nhật T6, Trần Hoàng V, Nguyễn Hoàng M3 (sinh năm 1981), Trần Văn T4 phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa (10b-TĐ 09 bị cáo);
- Bị cáo TN (02-T8, Minh sn81)
- Lưu HS(2), 21b. (PTHH)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**